TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐĂK LĂK** Bản án số: 42/2023/HNGĐ – ST Ngày 09/6/2023. V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Phạm Xuân Vinh.
2.Bà Trịnh Thị Oanh.
- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ –Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2022/TLST-DS ngày 09/12/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 15/5/2023, quyết định hoãn phiên toà số 21/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn P 2 (nay là thôn P), xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk– Có mặt.
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn P 2 (nay là thôn P), xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk– Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hữu Q xây dựng gia đình trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23 tháng 06 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 24/2008, đồng thời có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống thì giữa chúng tôi không tìm được tiếng nói chung khiến vợ chồng tôi không có hạnh phúc. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng vẫn không có kết quả nên cuộc sống hôn nhân không đạt mục đích, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vì vậy tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q.

-Về con chung: Trong đơn khởi kiện trước đây tôi có yêu cầu giải quyết về con chung của vợ chồng gồm các cháu: Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018.

Trước khi tôi làm đơn xin ly hôn thì tôi đang mang thai, đến ngày 14/02/2023 tôi sinh được cháu Nguyễn Hữu Đ, vì vậy tôi bổ sung yêu cầu khởi kiện, kê khai thêm con chung của vợ chồng để yêu cầu Toà án giải quyết.

Tôi có nguyện vọng là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 04 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của tôi, rất mong Tòa án xem xét giải quyết, tôi không còn ý kiến nào khác.

2. Trong bản tự khai ngày 20/12/2022, bị đơn anh Nguyễn Hữu Q trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị Mai H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23 tháng 06 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 24/2008 trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì giữa chúng tôi có xảy ra một số mâu thuẫn do tính chất công việc của tôi phải đi làm xa nhà, không giúp đỡ được nhiều cho vợ con. Nay vợ tôi xin ly hôn thì tôi không đồng ý, tôi có nguyện vọng muốn đoàn tụ gia đình.

-Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là các cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018. Tôi không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Hữu Q mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H.

+ Về con chung: Anh Nguyễn Hữu Q và chị Nguyễn Thị Mai H có 04 đứa con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018 và cháu Nguyễn Hữu Đ 14/02/2023. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mai H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 04 con chung. Xét thấy, nguyện vọng của chị H là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Q vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khỏan 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các cháu Nguyễn Hữu T, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Đ cho chị Nguyễn Thị Mai H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Q.

Về con chung: Có 04 đứa con chung là các cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018 và Nguyễn Hữu Đ 14/02/2023.

Giao các cháu Nguyễn Hữu T, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Đ cho chị Nguyễn Thị Mai H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1

Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Hữu Q có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 06 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Hữu Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Hữu Q đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị H xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Qua xác minh tại chính Q địa phương thì thấy được, mặc dù vợ chồng chị H, anh Q vẫn còn chung sống với nhau tuy nhiên anh Q thường xuyên đi làm xa nhà, anh Q cũng xác nhận trong lời khai là mâu thuẫn vợ chồng do tính chất công việc nên không giúp đỡ được cho vợ con, một mình chị H làm giáo viên tại địa bàn xã, nuôi 04 đứa con, như vậy đã thấy được quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Hữu Q đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H, cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Q.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh Q có 04 đứa con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018, cháu Nguyễn Hữu Đ 14/02/2023. Xét thấy hiện nay các cháu còn nhỏ, cần mẹ trực tiếp chăm sóc, bên cạnh đó anh Q vắng mặt tại phiên toà nên không thể xác định được nguyện vọng của anh về con chung, vì vậy việc giao các cháu Nguyễn Hữu T, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Đ cho chị Nguyễn Thị Mai H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hợp lý và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Hữu Q được Q qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có Q cản trở. Tuy nhiên anh Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có Q thay đổi việc

nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5].Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Q.

2.Về con chung: Có 04 đứa con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018, cháu Nguyễn Hữu Đ 14/02/2023.

Giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 13/08/2009; cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 08/09/2014; cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 13/12/2018, cháu Nguyễn Hữu Đ 14/02/2023 cho chị Nguyễn Thị Mai H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Hữu Q được Q qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có Q cản trở. Tuy nhiên anh Q không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có Q thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

3.Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4.Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0016699 ngày 06/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

-Về Q kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện K;
-Chi cục THADS huyện K;
-UBND xã E, huyện K;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H’ Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H’Năm Bkrông

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-UBND xã Long Thạnh H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H’ Năm Bkrông